TOÀ ÁN NHÂN DÂNCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số03/2026/DS-ST
Ngày: 03/6/2026
"Tranh chấp hợp đồng hợp tác"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tri và bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Tú Oanh- Thư ký viên chính Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tố Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2026/LTST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng hợp tác"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số03/2026/QĐST-DS ngày 15/5/2016 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Trần Đăng H, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Thái H1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2026 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Anh Trần Đăng H và anh Phạm Thái H1 cùng chung tiền mua một khúc gỗ tại huyện H trước đây. Vào ngày 26/02/2025, sau khi tìm kiếm khách hàng và chốt được giá để bán khúc gỗ trên là 130.000.000 đồng thì anh H và anh H1 thỏa thuận sẽ để anh H1 mang khúc gỗ này từ thị trấn K về thành phố Đ để giao dịch.

Sau đó, số tiền mua bán được sẽ chia đôi mỗi người một nửa là 65,000,000 đồng. Tuy nhiên, sau khi thực hiện giao dịch mua bán khúc gỗ trên thì anh H1 đã tiêu dùng cá nhân, không trả lại số tiền 65.000.000 đồng (một nửa số tiền bán được khúc gỗ) cho anh H. Cùng ngày, anh H đã nhiều lần yêu cầu anh H1 trả lại nhưng anh H1 không có nên giữa anh H và anh H1 đã lập Giấy cam kết trả tiền hàng. Nội dung nêu rõ, anh H1 cam kết đến ngày 12/03/2025 sẽ thanh toán số tiền 65.000.000 đồng trên cho anh H nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào. Sau ngày 12/03/2025, anh H đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu anh H1 phải trả tiền nhưng anh H1 không hợp tác, cố tình tránh né, chặn số điện thoại của anh H.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015 về trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *"Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền".* Tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 có quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: *"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ châm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền châm trả tương ứng với thời gian châm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".*

Như vậy, do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, anh H1 phải có trách nhiệm trả lại cho anh H toàn bộ số tiền nợ và số tiền lãi phát sinh do việc chậm trả, với mức lãi suất chậm trả trên số tiền chậm trả là 0.0274%/ngày (tương ứng lãi suất 10%/năm). Số tiền lãi chậm trả là: 65.000.000 đồng x 0.0274%/ngày x 315 ngày = 5.610.150 đồng.

Tại đơn khởi kiện anh Trần Đăng H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc anh Phạm Thái H1 phải trả cho ông Trần Đăng H số tiền tạm tính đến ngày 07/01/2026 là 70.610.150 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi triệu sáu trăm mười nghìn một trăm năm mươi đồng).* Trong đó: nợ gốc là 65.000.000 đồng, nợ lãi là 5.610.150 đồng

2. Buộc anh Phạm Thái H1 trả phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy cam kết đã ký kể từ ngày 08/01/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tạiphiên toà hôm nay, anh Trần Đăng H2 lại một phần khởi kiện không yêu cầu Toà án tính lãi chậm trả mà chỉ yêu cầu anh Phạm Thái H1 trả lại số tiền gốc là 65.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Thái H1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến phản hồi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và T kýđúng

theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân đơn anh Phạm Thái H1 không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đăng H, buộc anh Phạm Thái H1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Đăng H số tiền 65.000.000 đồng.

Anh Phạm Thái H1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: Anh Trần Đăng H khởi kiện yêu cầu anh Phạm Thái H1 trả lại tiền mà các bên đã góp chung để mua hàng hoá bán lại nên Toà án xác định đây là tranh chấp hợp đồng hợp tác. Anh Phạm Thái H1, trú tại: thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Phạm Thái H1 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Thái H1.

[3] Về nội dung vụ án: Anh Trần Đăng H và anh Phạm Thái H1 cùng chung tiền mua một khúc gỗ. Vào ngày 26/02/2025, sau khi tìm kiếm khách hàng và chốt được giá để bán khúc gỗ trên là 130.000.000 đồng thì anh H và anh H1 thỏa thuận sẽ để anh H1 mang khúc gỗ đi bán, số tiền bán được sẽ chia đôi mỗi người một nửa là 65,000,000 đồng. Tuy nhiên, sau khi thực hiện giao dịch mua bán khúc gỗ trên thì anh H1 đã tiêu dùng cá nhân, không trả lại số tiền 65.000.000 đồng (một nửa số tiền bán được khúc gỗ) cho anh H. Qua giấy cam kết trả tiền hàng ngày 26/2/2025 giữa anh H và anh H1 có nội dung: " Tôi có nợ anh Trần Đăng H số tiền là 65.000.000 đồng từ ngày 26/2/2025. Đó là số tiền chung nhau mua gỗ, và sau khi bán đi thì tôi đã dùng hết số tiền đó vào việc khác nên đã không trả lại tiền gốc và lời cho anh H. Tôi xin cam kết với anh Trần Đăng H sẽ thanh toán khoản nợ kể cả nợ gốc và chi phí phát sinh) trước ngày 12/3/2025……"; Giấy cam kết có chữ ký của anh H và anh H1 đã thể hiện rõ việc hợp tác mua bán là có thật.

Việc thỏa thuận cam kết hoàn trả tiền trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tham gia giao kết hợp đồng

đều có đủ năng lực pháp luật dân sự; Giấy cam kết trả tiền có thời hạn trả nợ trước ngày 12/3/2026 là phù hợp với quy định của pháp luật nên Giấy cam kếttrả tiền hàng có hiệu lực từ ngày ký26/02/2025.

Tại phiên toà hôm nay, anh Trần Đăng H rút lại một khởi kiện không yêu cầu Toà án giải quyết về phần tiền lãi chậm trả là 10%/năm nên Toà án đình chỉ phần tiền lãi chậm trả mà anh H yêu cầu giải quyết trước đây.

Từ những phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần H, buộc bị đơn anh Phạm Thái H1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ từ việc chung vốn mua bán gỗ là 65.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Phạm Thái H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 504; Điều 507; khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc anh Phạm Thái H1 phải trả cho anh Trần Đăng H số tiền 65.000.000 (*Sáu mươi lăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ giải quyết số tiền lãi chậm trả 5.610.150 đồng.

2. Về án phí:

- Anh Phạm Thái H1 phải chịu 3.250.000 đồng *(Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho anh Trần Đăng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.765.254 đồng *(Một triệu bảy sáu mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi bốn đồng)* theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số: 0000546 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.